

THANH BÌNH

ĐỀ KIỂM TRA

Toán 4

HỌC KỲ I (2018-2019)



TỦ SÁCH LUYỆN THI

Bộ đề thi học kì 1 môn Toán lớp 4

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I MÔN TOÁN (lớp 4)

NĂM HỌC 2018 - 2019

Mạch kiến thức, kỹ năng	Số câu và số điểm	Mức 1 Nhận biết		Mức 2 Thông hiểu		Mức 3 Vận dụng cơ bản		Mức 4 Vận dụng nâng cao		Tổng	
		TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL
Số tự nhiên và phép tính với các số tự nhiên; dấu hiệu chia hết cho 2, 5.	Số câu	1	1	1		2			1	4	2
	Câu số	1	8	2		5,6			10	1,2,5,6	8,10
	Số điểm	1	1	1		1			1	3	2
Đại lượng và đo đại lượng: các đơn vị đo khối lượng; đơn vị đo diện tích	Số câu			2						2	
	Câu số			3,4						3,4	
	Số điểm			2						2	
Yếu tố hình học: góc nhọn, góc tù, góc bẹt; hai đường thẳng vuông góc, hai đường thẳng song song.	Số câu	1								1	
	Câu số	7								7	
	Số điểm	1								1	
Giải bài toán về tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.	Số câu						1				1
	Câu số						9				9
	Số điểm						1				1
Tổng	Số câu	2	1	3		2	1		1	7	3
	Câu số	1,7,8		2,3,4		5,6,9		10		1,2,3,4,5,6	8,9,10
	Số điểm	2	1	3		2	1		1	7	3

Họ và tên.....Lớp 4.....Trường.....

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I - MÔN TOÁN LỚP 4
NĂM HỌC 2018 - 2019 (Thời gian 45 phút) - Đề 1

Điểm chung		Nhận xét của giáo viên	GV chấm bài
<u>Bảng số</u>	<u>Bảng chữ</u>		GV1:
			GV2:

Khoanh tròn chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

Câu 1: (1 điểm M1)

a/ Số **5725** đọc là:

- A. Năm nghìn bảy trăm hai mươi lăm B. Năm mươi nghìn bảy trăm hai mươi lăm
C. Năm trăm nghìn bảy trăm hai mươi lăm D. Năm triệu bảy trăm hai mươi lăm

b/ Chữ số 5 trong số 9654837 thuộc hàng nào?

- A. Hàng trăm B. Hàng nghìn C. Hàng chục nghìn D. Hàng triệu

Câu 2. (1 điểm M2)

Trong các số sau số vừa chia hết cho 2 vừa chia hết 3 là:

- A. 36572 B. 44835 C. 50010 D. 55552

Câu 3. (1 điểm M2) Viết chữ số thích hợp vào ô trống

- a) 5 tấn 175kg =Kg b) $10 \text{ dm}^2 2 \text{ cm}^2 = \text{.....cm}^2$

Câu 4. (1 điểm M2).

a/Tính nhẩm: $34 \times 11 + 10 = \text{.....?}$

- A. 384 B. 374 D. 734 C. 473

b/ Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của chúng lần lượt là: 60 và 30

- A. 60 và 30 B. 55 và 35 C. 45 và 15 D. 65 và 15

Câu 5. (1 điểm M3) Tính

a, $154 \times 35 + 154 \times 65$

- A. 154 B. 1540 C. 15400 D. 154000

b, $74 \times 11 + 25 \times 11 + 11$

- A. 1100 B. 110 C. 11000 D. 814

Câu 6. (1 điểm M3) Trung bình cộng của các số chẵn nhỏ hơn 42 và lớn hơn 30 là

- A. 36 B. 180 C. 72 D. 35

Câu 7. (1 điểm M1)

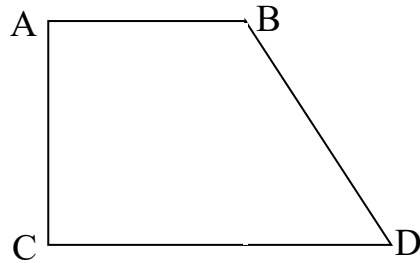
a/ Hình vuông có cạnh 10cm. Diện tích hình vuông đó là bao nhiêu cm^2 ?

- A. 40 cm^2 B. 400 cm^2 C. 10 cm^2 D. 100 cm^2

b/Tứ giác ABCD có :

- A. 4 góc vuông

- B. 2 góc vuông 1 góc nhọn 1 góc tù
C. 2 góc vuông 1 góc nhọn 1 góc bẹt
D. 2 góc vuông



Câu 8: Đặt tính rồi tính: (1 điểm M2)

a, $59577 + 35289$

b, $72716 - 4356$

c, 28175×23

d, $34440 : 12$

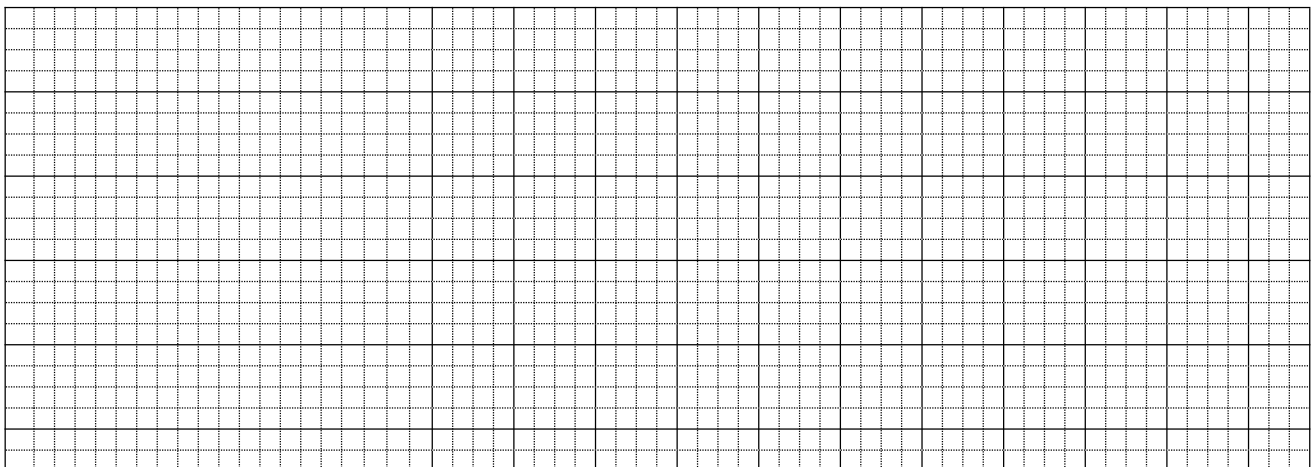
Câu 9. (1 điểm M3) Một mảnh đất hình chữ nhật có chu vi 52m, chiều dài hơn chiều rộng 4m.

a) Tính diện tích mảnh đất đó?

b). Người ta trồng rau trên mảnh đất đó. Biết rằng mỗi mét vuông thu hoạch được 4 kg rau. Hỏi thu hoạch được tất cả bao nhiêu kg rau trên mảnh đất đó?

Câu 10. (1 điểm M4) Tính nhanh giá trị của biểu thức sau:

$5 + 9 + 13 + 17 + 21 + 25 + 29 + 33 + 37$



HƯỚNG DẪN CHẤM
KIỂM TRA CUỐI HK I NĂM HỌC 2018– 2019
MÔN TOÁN (10 ĐIỂM)

Khoanh tròn chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

Câu 1. (1 điểm)

a/ Số **5725** đọc là:

A. Năm nghìn bảy trăm hai mươi lăm

b/ Chữ số 5 trong số 9654837 thuộc hàng nào?

C. Hàng chục nghìn

Câu 2. (1 điểm)

Trong các số sau số vừa chia hết cho 2 vừa chia hết 3 là:

C. 50010

Viết chữ số thích hợp vào chỗ trống

a) 5 tấn 175kg = 5175 kg

b) $10 \text{ dm}^2 2 \text{ cm}^2 = 1002 \text{ cm}^2$

b/ Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của chúng lần lượt là: 60 và 30

C. 45 và 15

Câu 5. (1 điểm M3) Tính

a, $154 \times 35 + 154 \times 65$

C. 15400

b, $74 \times 11 + 25 \times 11 + 11$

A. 1100

Câu 6. (1 điểm M3) Trung bình cộng của các số chẵn nhỏ hơn 42 và lớn hơn 30 là

A. 36

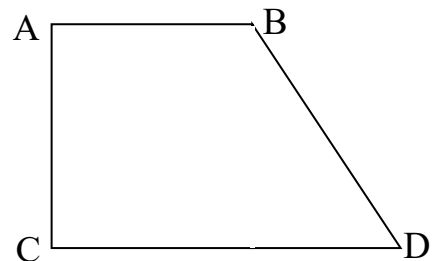
Câu 7. (1 điểm M1)

a/ Hình vuông có cạnh 10cm. Diện tích hình vuông đó là bao nhiêu cm^2 ?

D. 100 cm^2

b/ Tứ giác ABCD có :

B. 2 góc vuông 1 góc nhọn 1 góc tù



Câu 8: Đặt tính rồi tính: (1 điểm)

a, 94866

b, 68360

c, 648025

d, 2870

Câu 9. (1 điểm)

Bài giải

Chiều rộng mảnh đất hình chữ nhật là:

$$(26 - 4) : 2 = 11 \text{ (m)}$$

Chiều dài mảnh đất hình chữ nhật là:

$$11 + 4 = 15 \text{ (m)}$$

Diện tích mảnh đất hình chữ nhật là:

$$15 \times 11 = 165 \text{ (m}^2\text{)}$$

Thu hoạch được tất cả số kg rau trên mảnh đất đó là:

$$165 \times 4 = 660 \text{ (kg)}$$

Đáp số: a) Diện tích: 165 m^2

b) 660 kg

Câu 10. (1 điểm)

Tính nhanh giá trị của biểu thức sau:

$$5 + 9 + 13 + 17 + 21 + 25 + 29 + 33 + 37$$

$$= 5 + (9 + 37) + (13 + 33) + (17 + 29) + (21 + 25)$$

$$= 5 + 46 + 46 + 46 + 46$$

$$= 5 + 46 \times 4$$

$$= 5 + 184$$

$$= 189$$

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I - MÔN TOÁN LỚP 4 - Đề 2

Bài 1: (2điểm) Khoanh vào chữ cái trước ý đúng trong mỗi câu sau: (Từ câu 1 đến câu 4)

Câu 1: (0.5 điểm) Kết quả của phép nhân 307×40 là:

A. 1228

B. 12280

C.2280

D. 12290

Câu 2: (0.5 điểm) $78 \times 11 = \dots$ Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. 858

B. 718

C. 758

D. 588

Câu 3: (0.5 điểm) Số dư trong phép chia $4325 : 123$ là:

A. 2

B.143

C. 20

D. 35

Câu 4: (0.5 điểm) Số thích hợp để viết vào chỗ chấm $9\text{m}^2 - 5\text{dm}^2 = \dots \text{dm}^2$ là:

A. 95

B. 950

C. 9005

D. 905

Bài 2. (1 điểm) Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

a) $(32 \times 8) : 4 = 32 : 4 \times 8 : 4$

7

b) $(32 \times 8) : 4 = 32 : 4 \times 8$

--	--

Bài 3: (1điểm) Đặt tính rồi tính.

518 x 206

8329 : 38

[illegible]

Bài 4: (1điểm) Tìm x, y biết:

a) $7875 : x = 45$

b) $y : 12 = 352$

[illegible]

Bài 5 : (1điểm) Tính bằng cách thuận tiện nhất:

$$35600 : 25 : 4 = \dots\dots\dots$$

$$359 \times 47 - 259 \times 47$$

$$= \dots$$

.....

.....

.....

.....

Bài 6: (1điểm) Điền số thích hợp vào chỗ chấm

4 tấn 75 kg = kg

$$19\text{dm}^2 \ 65\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$$

Bài 7: (2điểm) Một cửa hàng bán vải, tuần lễ đầu bán được 1042 mét vải, tuần lễ sau bán được 946 mét vải. Hỏi trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được bao nhiêu mét vải ? (Biết mỗi tuần có 7 ngày và cửa hàng bán vải suốt tuần).

Tóm tắt

[illegible]

Bài giải

[illegible]

Bài 8: (1điểm)

Diện tích của mảnh đất hình chữ nhật là 2782m^2 . Nếu gấp chiều rộng lên 2 lần và chiều dài lên 3 lần thì diện tích mảnh đất mới là bao nhiêu?

Bài giải

[illegible]

Bài 6: (1 điểm) - Bài dành cho HS khá, giỏi; chấm linh động theo phương án làm bài của HS. Khuyến khích sự sáng tạo khi làm bài.

Nếu gấp chiều rộng lên 2 lần và chiều dài lên 3 lần thì diện tích gấp lên số lần là:

$$2 \times 3 = 6 \text{ (lần)}$$

Diện tích mảnh đất mới là: $2782 \times 6 = 16692 \text{ (m}^2\text{)}$

Đáp số: $16692 \text{ (m}^2\text{)}$

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I - MÔN TOÁN LỚP 4 - **Đề 3**

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (5 điểm)

Bài 1: Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng: (3 đ)

1/- Số gồm 6 vạn, 5 nghìn và 4 chục được viết là:

A. 50 640	B. 65 040	C. 5 640	D. 6 540
-----------	-----------	----------	----------

2/- Chữ số 9 trong số 1 986 850 có giá trị là :

A. 900	B. 9 000	C. 900 000	D. 90 000
--------	----------	------------	-----------

3/- Giá trị của biểu thức : $x + 5 + y + 5 + x + 5 + y + 5 = ?$ (với $x + y = 20$)

a) 600	b) 400	c) 60	d) 40
--------	--------	-------	-------

4/- Có bao nhiêu số x có ba chữ số thỏa mãn $x < 105$

A. 5	B. 4	C. 3	D. 2
------	------	------	------

5/- Biết $\frac{1}{2}$ của một bao gạo nặng 20 kg, Ba bao gạo như thế cân nặng bao nhiêu kg ?

A. 10 kg	B. 40 kg	C. 60 kg	D. 120 kg
----------	----------	----------	-----------

6/- Một hình vuông có chu vi 20 m, diện tích hình vuông đo bằng bao nhiêu m^2 ?

A. 15 m^2	B. 20 m^2	C. 25 m^2	D. 400 m^2
---------------------	---------------------	---------------------	----------------------

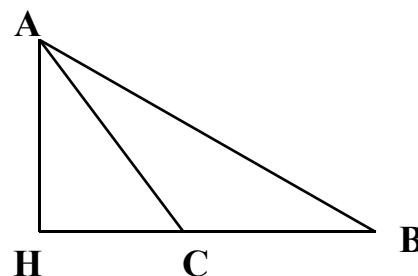
Bài 2: Đúng ghi Đ ; sai ghi S (1 đ)

a/- 5 tấn 15 kg = 5015 kg		c/- Một nửa thế kỉ và sáu năm = 560 năm	
b/- 4 phút 20 giây = 420 giây		d/- Năm nhuận có 366 ngày	

Bài 3 : Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng

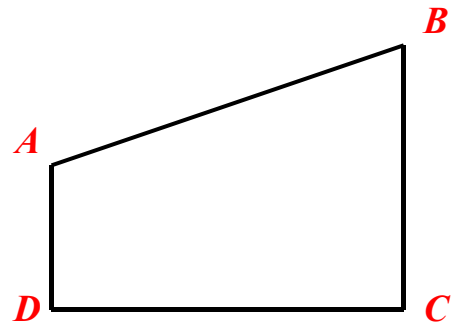
a) Tam giác ABC (hình bên) có đường cao là (**0,5 đ**)

A. đường cao AH	B. đường cao AC
C. đường cao BC	D. đường cao AB



b) Tứ giác ABCD (hình bên) nối ý đúng cho tên các góc (**0,5 đ**)

A. góc đỉnh A		1. góc vuông
B. góc đỉnh B		2. góc vuông
C. góc đỉnh C		3. góc tù
D. góc đỉnh D		4. góc nhọn



PHẦN II: TỰ LUẬN (5 điểm)

1- Đặt tính rồi tính : (2 đ)

A. $372549 + 459521$	B. $920460 - 510754$	C. 2713×205	D. $1980 : 15$

2- Tính giá trị của biểu thức bằng cách thuận tiện : (1 đ)

a/- $20 \times 190 \times 50 =$

b/- $769 \times 85 - 769 \times 75$

Câu 3- Khối lớp Bốn của một trường Tiểu học có 4 lớp Bốn, trong đó có 2 lớp mỗi lớp có 35 học sinh, 2 lớp còn lại mỗi lớp có 33 học sinh. Hỏi trung bình mỗi lớp có bao nhiêu học sinh?

(1đ)

Bài làm

Câu 4-Trung bình cộng của 5 số lẻ liên tiếp là 101. Tìm 5 số đó ? (1đ)

ĐÁP ÁN ĐỀ THI HỌC KÌ 1 MÔN TOÁN LỚP 4

PHẦN I: **TRẮC NGHIỆM** (5 điểm)

Bài 1: *Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng :* (3 đ)

1/- Số gồm 6 vạn, 5 nghìn và 4 chục được viết là :

A.50 640	B.65 040	C.5 640	D. 6 540
----------	-----------------	---------	----------

2/- Chữ số 9 trong số 1 986 850 có giá trị là :

A. 900	B. 9 000	C. 900 000	D. 90 000
--------	----------	-------------------	-----------

3/-Giá trị của biểu thức : $x + 5 + y + 5 + x + 5 + y + 5 = ?$ (với $x + y = 20$)

a) 600	b) 400	c) 60	d) 40
--------	--------	--------------	-------

4/-Có bao nhiêu số x có ba chữ số thoả mãn $x < 105$

A. 5	B. 4	C. 3	D. 2
-------------	------	------	------

5/-Biết $\frac{1}{2}$ của một bao gạo nặng 20 kg, Ba bao gạo như thế cân nặng bao nhiêu kg ?

A. 10 kg	B. 40 kg	C. 60 kg	D. 120 kg
----------	----------	----------	------------------

6/- Một hình vuông có chu vi 20 m, diện tích hình vuông đo bằng bao nhiêu m^2 ?

A. 15 m^2	B. 20 m^2	C. 25 m^2	D. 400 m^2
-------------	-------------	-------------------------------	--------------

Bài 2 : Đúng ghi Đ ; sai ghi S (1 đ)

a/- 5 tấn 15 kg = 5015 kg.	Đ
b/- 4 phút 20 giây = 420 giây	S
c/- Một nửa thế kỉ và sáu năm = 560 năm	S

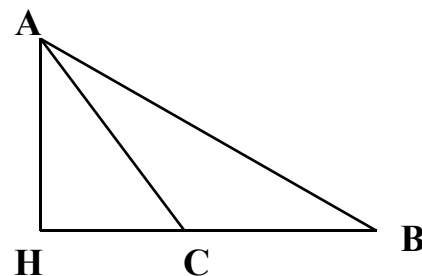
d/- Năm nhuận có 366 ngày

Đ

Bài 3 : Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng

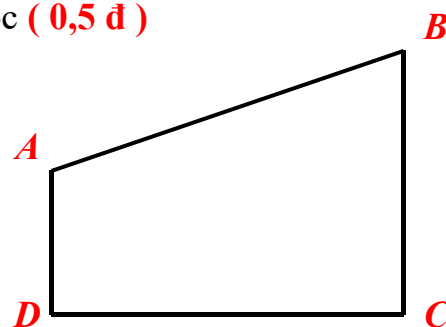
a) – Tam giác ABC (hình bên) có đường cao là **(0,5 đ)**

A. đường cao AH	B. đường cao AC
C. đường cao BC	D. đường cao AB



b)–Tứ giác ABCD (hình bên) nối ý đúng cho tên các góc **(0,5 đ)**

A. góc đỉnh A	1. góc vuông
B. góc đỉnh B	2. góc vuông
C. góc đỉnh C	3. góc tù
D. góc đỉnh D	4. góc nhọn



PHẦN II: TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu 1- Đặt tính rồi tính : **(2 đ)**

A. $\begin{array}{r} 372549 \\ + 459521 \\ \hline 832070 \end{array}$	B. $\begin{array}{r} 920460 \\ - 510754 \\ \hline 409706 \end{array}$	C. $\begin{array}{r} 2713 \\ \times 205 \\ \hline 13565 \\ 5426 \\ \hline 556165 \end{array}$	D. $\begin{array}{r} 1980 \overline{) 15} \\ 048 \\ \hline 030 \\ 00 \\ \hline 132 \end{array}$
---	---	---	--

Câu 2- Tính giá trị của biểu thức bằng cách thuận tiện : **(1 đ)**

$$\begin{aligned} \text{a/- } & 20 \times 190 \times 50 \\ & = 20 \times 50 \times 190 \\ & = 1\,000 \times 190 \\ & = 190\,000 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b/- } & 769 \times 85 - 769 \times 75 \\ & = 769 \times (85 - 75) \\ & = 769 \times 10 \\ & = 7690 \end{aligned}$$

Câu 3- Khối lớp Bốn của một trường Tiểu học có 4 lớp Bốn, trong đó có 2 lớp mỗi lớp có 35 học sinh, 2 lớp còn lại mỗi lớp có 33 học sinh. Hỏi trung bình mỗi lớp có bao nhiêu học sinh ?

Bài làm (1đ)

Số HS 2 lớp đầu : $35 \times 2 = 70$ (học sinh)

Số HS 2 lớp sau : $33 \times 2 = 66$ (học sinh)

Trung bình mỗi lớp có số HS là : $(70 + 66) : 4 = 34$ (học sinh)

Đáp số : 34 (học sinh)

.....

.....

Câu 7: Một mảnh vườn hình chữ nhật có chu vi là 102m, chiều dài hơn chiều rộng 27m.

Tính diện tích mảnh vườn hình chữ nhật đó ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 8: Đúng ghi Đ, sai ghi S

$\frac{1}{10}$ thế kỉ > 12 năm ☐

$\frac{1}{3}$ phút < 30 giây ☐

Câu 9: Tìm x

a) $x \times 26 = 910$

b) $x : 42 = 64$

.....

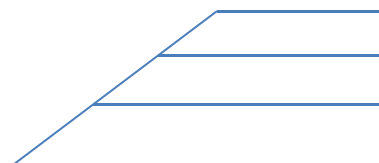
.....

.....

Câu 10:

Hình bên có bao nhiêu cặp cạnh song song với nhau ?

- A. 4 cặp cạnh song song
- B. 5 cặp cạnh song song
- C. 6 cặp cạnh song song
- D. 7 cặp cạnh song song



ĐÁP ÁN MÔN TOÁN CUỐI HỌC KÌ I – LỚP 4

Năm học: 2018-2019

Câu 1: B. 5 000 000 (0,5 đ)

Câu 2: A. 565 004 392 (0,5 đ)

Câu 3: C. 50028 (0,5 đ)

Câu 4: Tính bằng cách thuận tiện nhất: 0,5 đ/ 1 câu)

a, $7867 \times 2 \times 5$

b, $156 \times 7 - 56 \times 7$

$$= 7867 \times (2 \times 5)$$

$$= 7867 \times 10 = 78670$$

$$= (156 - 56) \times 7$$

$$= 100 \times 7 = 700$$

Câu 5: B. 105 (0,5 đ)

Câu 6: Đặt tính rồi tính: (0,5 đ/ 1 câu)

$$\begin{array}{r} 667958 \\ +259091 \\ \hline 927049 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 974502 \\ -328915 \\ \hline 645587 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 5412 \\ \times 408 \\ \hline 43296 \\ 21648 \\ \hline 2208096 \end{array}$$

$$\begin{array}{r|l} 46166 & 82 \\ 516 & 563 \\ \hline 246 \\ 0 \end{array}$$

Câu 7: Bài giải (2,5 đ)

Nửa chu vi mảnh vườn hình chữ nhật là: $102 : 2 = 51$ (m) (0,5đ)

Chiều dài mảnh vườn hình chữ nhật là: $(51 + 27) : 2 = 39$ (m) (0,5đ)

Chiều rộng mảnh vườn hình chữ nhật là: $(51 - 27) : 2 = 12$ (m) (0,5đ)

Diện tích mảnh vườn hình chữ nhật là: $39 \times 12 = 468$ (m²) (0,75đ)

Đáp số: 468 (m²) (0,25đ)

Câu 8: Đúng ghi Đ, sai ghi S (0,5 đ/ 1 câu)

$\frac{1}{10}$ thế kỉ > 12 năm S

$\frac{1}{3}$ phút < 30 giây Đ

Câu 9: Tìm x (0,5 đ/ 1 câu)

a) $x \times 26 = 910$
 $x = 910 : 26$
 $x = 35$

b) $x : 42 = 64$
 $x = 64 \times 42$
 $x = 2688$

Câu 10: C. 6 cặp cạnh song song (0,5 đ)

* Tổng các điểm từng phần là điểm toàn bài, được làm tròn theo nguyên tắc 0,5 thành 1./.

Ma trận nội dung kiểm tra môn Toán cuối học kì I lớp 4.

Mạch kiến thức, kĩ năng	Số câu và số điểm	Mức 1 Nhận biết		Mức 2 Thông hiểu		Mức 3 Vận dụng cơ bản		Mức 4 Vận dụng nâng cao		Tổng số	
		TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	TL	TNK Q	TL	TNK Q	TL
Số học	Số câu	2			1	1	2			3	3
	Câu số	1;2			6	5	4;9				
	Số điểm	1			2	0,5	2				
Đại	Số	1				7				2	

lượng & đo đại lượng	câu										
	Câu số	8				3					
	Số điểm	1				0,5					
Yếu tố hình học	Số câu							1	1	1	1
	Câu số							10	7		
	Số điểm							0,5	2,5		
Tổng	Số câu	3			1	2	2	1	1	6	4
	Số điểm	2			2	1	2	0,5	2,5	3,5	6,5

Trường Tiểu học Xuân Phổ

BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2018 - 2019

Môn: **Toán** - Thời gian: 40 phút

Họ và tên: Lớp 4

<u>Điểm</u>	<u>Nhận xét của giáo viên</u>

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM: Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

Câu 1: Số lớn nhất trong các số 176 452; 167 452; 167 452; 176 542 là:

- A. 176 452 B. 167 452 C. 167 452 D. 176 542

Câu 2: Chu vi hình vuông là 4m thì diện tích hình vuông là:

- A. 1m² B. 2m² C. 3m² D. 4m²

Câu 3: Số nào dưới đây vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5?

- A. 27564 B. 53448 C. 53210 D. 67432

Câu 4: Tổng hai số là 120, hiệu hai số là 20 thì số bé là:

- A. 40 B. 45 C. 55 D. 50

Câu 5: 30 dm² 2cm² =cm²

- A. 302 cm² B. 320 cm² C. 3002 cm²

Câu 6: Số thích hợp để viết vào chỗ chấm: 1/4 giờ = phút

- A. 20 B. 15 C. 12 D. 10

PHẦN II. TỰ LUẬN:

Câu 7: Đặt tính rồi tính

a) 186 436 + 247 954

.....
.....

b) 456 x 203

.....
.....

c) 89658 : 293

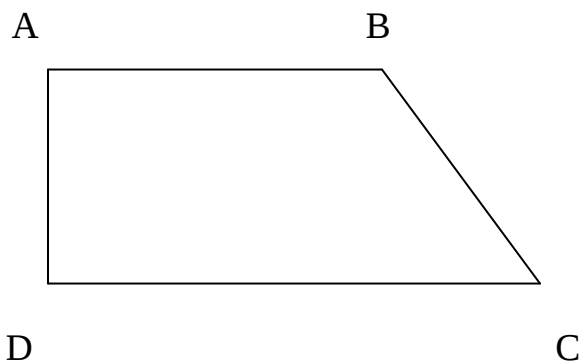
.....
.....

.....

.....

.....

Câu 8: Cho tứ giác ABCD:



- a. Viết tên các cặp cạnh song song với nhau:
- b. Viết tên các cặp cạnh vuông góc với nhau:

Câu 9: Tính giá trị biểu thức

a. $726\,485 - 345 \times 32$;

c. $1275 : 25 + 4563$

.....

.....

.....

Câu 10: Hai vòi nước cùng chảy vào một bể. Vòi thứ nhất mỗi phút chảy được 25 lít nước. Vòi thứ hai mỗi phút chảy được 23 lít nước. Hỏi sau 1 giờ 12 phút cả hai vòi chảy vào bể được bao nhiêu lít nước?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 11: Tính nhanh

$$12345 \times 17 + 23 \times 12345 + 12345 + 12345 \times 35 + 12345 \times 24$$

.....

.....

.....

PHÒNG GD&ĐT TAM DƯƠNG
TRƯỜNG TH DUY PHIÊN
Họ tên:.....
Lớp:.....

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I NĂM HỌC 2018-2019
MÔN: TOÁN – LỚP 4
(Thời gian làm bài: 40 phút)

(Đề chính thức)

Điểm	Nhận xét của giáo viên
	
	

Bài 1. Khoanh tròn vào chữ cái trước các câu trả lời đúng:

1. Năm 1860 thuộc thế kỉ nào?

A, XVII B, XVIII C, XIX D, XX

2. Kho thứ nhất chứa 314 kg; kho thứ hai chứa 326 kg; kho thứ ba chứa 338 kg; kho thứ tư chứa 350 kg. Trung bình mỗi kho chứa là:

A, 180 kg B, 332 kg C, 284 kg D, 336 kg

3. Số nào chứa chữ số 3 có giá trị là 3000?

A, 36512 B, 65312 C, 54832 D, 53727

4. $5\text{dm}^2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$.

A, 50 B, 5000 C, 500 D, 100

5. Một khu vườn hình chữ nhật có chiều rộng 60 m, chiều dài gấp đôi chiều rộng. Chu vi khu vườn đó là:

A, 300m B, 360m C, 7200m D, 240m

6. Giá trị của biểu thức $102735 \times m$ với $m = 7$ là:

A, 719145 B, 719135 C, 720145 D, 719035

Bài 2.

1. Viết kết quả vào chỗ chấm

a) 4 tấn 15 kg =kg

b) 2 thế kỉ 20 năm =năm

2. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào chỗ

$$36 \times 15 = 540 \dots\dots\dots$$

$$3425 \times 18 = 60650 \dots\dots$$

Bài 3. Đặt tính rồi tính

a) 2098×35

b) 2387×405

c) $9468 : 48$

[illegible]

Bài 4. Có 30 học sinh đang tập bơi, trong đó số em đã biết bơi ít hơn số em chưa biết bơi là 6 em. Hỏi có bao nhiêu em đã biết bơi, bao nhiêu em chưa biết bơi?

[illegible]

Bài 5. Khối lớp 4 có 318 học sinh, mỗi học sinh mua 8 quyển vở. Khối lớp 5 có 297 học sinh, mỗi học sinh mua 9 quyển vở. Hỏi cả hai khối lớp đó mua tất cả bao nhiêu quyển vở?

[illegible]

ĐÁP ÁN MÔN TOÁN 4

Bài 1:

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	B	D	C	B	A
Thang điểm	0,5	0,5	0,75	0,75	0,75	0,75

Bài 2.

1. Mỗi ý đúng cho 0,25đ

- a) 4015 kg b) 220 năm

2. Mỗi ý đúng cho 0,25đ

36 x 15 = 540 **D**

$$3425 \times 18 = 60650 \quad \text{S}$$

Bài 3. Đặt tính rồi tính (Mỗi ý đúng cho 0,5đ)

- a) 2098×35 b) $9468 : 48$

Bài 4. 1,75đ

Bài giải

Số em đã biết bơi là: 0,25đ

$$(30 - 6) : 2 = 12 \text{ (em)} \quad 0,5\text{đ}$$

Số em chưa biết bơi là: 0,25đ

$$30 - 12 = 18 \text{ (em)} 0,5\text{d}$$

Đáp số: Số em đã biết bơi là: 12em và chưa biết bơi là 18 em (0,25đ)

Bài 5. 2,25đ

Bài giải

Khối lớp 4 mua số quyển vở là: $(0,2đ)$

$$8 \times 318 = 2544 \text{ (quyển)} (0,5\text{đ})$$

Khối lớp 5 mua số quyển vở là: $(0,2đ)$

$9 \times 297 = 2673$ (quyển) (0,5đ)

Cả hai khối lớp mua số quyển vở là: $(0,2đ)$

$$2544 + 2673 = 5217 \text{ (quyền)} (0,5đ)$$

Đáp số: 5217 quyển vở (0,15đ)

(HS có thể trình bày bằng nhiều cách khác nhau. Đúng là đạt điểm tối đa)

Ma trận đề kiểm tra cuối học kì I, lớp 4

Mạch kiến thức, kĩ năng	Số câu và số điểm	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Tổng	
		TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL
Số tự nhiên và phép tính với các số tự nhiên; dấu hiệu chia hết cho 2, 5, 3, 9.	Số câu	2	1		1	1		3	2
	Số điểm	2,0	1,0		2,0	1,0		3,0	3,0
Đại lượng và đo đại lượng: các đơn vị đo khối lượng; giây, thế kỉ.	Số câu	1						1	
	Số điểm	1,0						1,0	
Yếu tố hình học: góc nhọn, góc tù, góc bẹt; hai đường thẳng vuông góc, hai đường thẳng song song. Hình bình hành, diện tích hình bình hành.	Số câu		1						1
	Số điểm		1,0						1,0
Giải bài toán về tìm số trung bình cộng; tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.	Số câu				1				1
	Số điểm				2,0				2,0
Tổng	Số câu	3	2		2	1		4	4
	Số điểm	3,0	2,0		4,0	1,0		4,0	6,0

TRƯỜNG TH PHÚ ĐÌNH

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I - NĂM HỌC: 2018-2019

Họ và tên học sinh :

Môn kiểm tra : Toán _ Lớp 4 Thời gian làm bài: 40 phút

<u>Điểm</u>	<u>Lời nhận xét của giáo viên:</u>
	
	
	

A- Phần trắc nghiệm: (3 điểm)

Hãy khoanh tròn vào chữ cái a,b,c,d có câu trả lời đúng nhất.

Bài 1: (1 điểm) Số 7635672 được đọc là:

- a. Bảy triệu sáu trăm ba mươi năm nghìn sáu trăm bảy mươi hai.
- b. Bảy triệu sáu trăm ba mươi năm nghìn sáu trăm bảy mươi hai.
- c. Bảy triệu sáu trăm nghìn ba mươi năm nghìn sáu trăm bảy mươi hai.
- d. Bảy triệu sáu trăm ba mươi năm nghìn sáu bảy hai.

Bài 2: (1 điểm) . Có bao nhiêu số có 3 chữ số mà mỗi chữ số của số đó đều giống nhau?

- a.7
- b. 8
- c. 9
- d.1

Bài 3: (1 điểm) . 1 tấn =kg

- a. 100
- b. 1000
- c. 10000
- d.10

Bài 4: (1 điểm) Số thích hợp điền vào chỗ chấm là: $101113 > 1011...3$

- a. 0
- b. 1
- c. 2
- d. 3

B- Phần tự luận : (6 điểm)

Bài 5: (1 điểm) Viết số biết số đó gồm:

- a. 8 mươi triệu, 7 trăm nghìn, 6 nghìn, 5 trăm, 4 đơn vị :
- b. 14 triệu, 6 trăm nghìn, 3 trăm, 4 chục :

Bài 6: (2điểm) Đặt tính rồi tính:

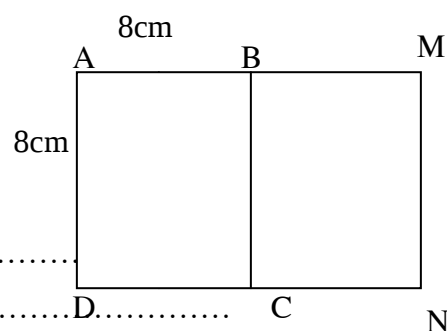
- a. $9876402 + 1285694$
- b. $649072 - 178526$

.....

c. 1334×376

d. $5867 : 17$

Bài 7: (1 điểm) Cho hình vẽ bên. Biết ABCD và BMNC là các hình vuông cạnh 8 cm. Viết tiếp vào chỗ chấm:



a) Đoạn thẳng AM vuông góc với các đoạn thẳng.....

b) Diện tích hình chữ nhật AMND.....

Bài 8: (2 điểm) Một ô tô 2 giờ đầu chạy được 60 km, 3 giờ sau chạy được 90 km. Hỏi trung bình mỗi giờ ô tô chạy được bao nhiêu km?

TRƯỜNG TH PHÚ ĐÌNH

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ– CHO ĐIỂM

MÔN: TOÁN - LỚP 4

A- Phần trắc nghiệm: 4 điểm

- Mỗi câu 1 điểm.

Câu1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
a	c	b	a

B- Phần tự luận: 6 điểm

Bài 5: Viết (1đ) mỗi số đúng 0,5 điểm

a.80706504

b.14600304

Bài 6: Đặt tính và tính (2đ) mỗi phép tính đúng 0,5 điểm

a. 11162096

b. 470546

c. 501584

d. 351

Bài 7. (1đ) Mỗi câu đúng 0,5 điểm

a)AD, BC, MN

b) 128 cm²

Bài 8: (2đ)

Bài giải

Quãng đường ô tô đó chạy được: (0,25đ)

$$60 + 90 = 150 \text{ (km) (0,5đ)}$$

Thời gian ô tô đó chạy: (0,25đ)

$$2 + 3 = 5 \text{ (giờ) (0,25đ)}$$

Trung bình mỗi giờ ô tô đó chạy được: (0,25đ)

$$150 : 5 = 30 \text{ (km) (0,5đ)}$$

Đáp số: 30 km

TRƯỜNG TH PHÚ ĐÌNH

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I - NĂM HỌC: 2018-2019

Họ và tên học sinh :

Số báo danh :

Điểm	Lời nhận xét của giáo viên:
	
	
	

A- Phần trắc nghiệm: (3 điểm)

Hãy khoanh tròn vào chữ cái a, b, c, d có câu trả lời đúng nhất.

Bài 1: (1 điểm) Số 5062009 được đọc là:

- a. Năm triệu sáu mươi hai nghìn không trăm linh chín.
- b. Năm triệu không trăm sáu mươi hai nghìn không trăm linh chín.
- c. Năm triệu không trăm sáu mươi hai nghìn linh chín.
- d. Năm triệu sáu mươi hai nghìn linh chín.

Bài 2: (1 điểm) Số 120 vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5 đúng hay sai?

- a. Đúng
- b. Sai

Bài 3: (1 điểm) $1 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$

- a. 100
- b. 1000
- c. 10000
- d. 10

Bài 4: (1 điểm) Số tròn chục liền trước số 835200 là;

- a. 825210
- b. 253220
- c. 835190
- d. 835220

B- Phần tự luận : (6 điểm)

Bài 5: (1 điểm) Chữ số 5 trong mỗi số sau có giá trị bằng bao nhiêu? 65 282 722 ; 687 356 297

.....
.....

Bài 6: (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

- a. $427654 + 90837$
- b. $768495 - 62736$

.....
.....
.....
c. 123×45

d. $3150 : 18$
.....
.....
.....

.....
.....
Bài 7: (1 điểm) Hình vuông có cạnh dài 4cm thì chu vi hình vuông đó là bao nhiêu?

.....
.....
Bài 8: (2 điểm) Hiện nay tổng số tuổi của mẹ và tổng số tuổi của con là 48 tuổi, mẹ hơn con 26 tuổi.

a) Tính tuổi mẹ hiện nay

b) Tính tuổi con hiện nay
.....
.....
.....
.....
.....

TRƯỜNG TH PHÚ ĐÌNH

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ– CHO ĐIỂM

MÔN: TOÁN - LỚP 4

A- Phần trắc nghiệm: 4 điểm

- Mỗi câu 1 điểm.

Câu1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
b	a	c	c

B- Phần tự luận: 6 điểm

Bài 5: Viết (1 đ) mỗi số đúng 0,5 điểm

a. 5000000

b. 50000

Bài 6: Đặt tính và tính (2đ) mỗi phép tính đúng 0,5 điểm

a. 518491

b. 705759

c. 5535

d. 175

Bài 7. (1đ) Chu vi hình vuông đó là : $4 \times 4 = 16 \text{ cm}^2$

Bài 8: (2đ)

Bài giải

Ta có sơ đồ:

Tuổi con: I _____ I 26 tuổi
Tuổi mẹ: I _____ I } 48 tuổi (0,25 đ)

a) Tuổi mẹ hiện nay: (0,25đ)
 $(48 + 26) : 2 = 37$ (tuổi) (0,5đ)

b) Tuổi con hiện nay: (0,25đ)
 $48 - 37 = 11$ (tuổi) (0,5 đ)

Đáp số: a) 37 tuổi ; b) 11 tuổi (0,25đ)

Lớp : 4/2
Tên :

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I

Năm học: 2018-2019

Môn: Toán lớp 4

Thời gian: 40 phút

Điểm :

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (5 điểm)

Bài 1: Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng: (3 đ)

1/- Số gồm 6 vạn, 5 nghìn và 4 chục được viết là:

A.50 640	B.65 040	C.5 640	D. 6 540
----------	----------	---------	----------

2/- Chữ số 9 trong số 1 986 850 có giá trị là :

A. 900	B. 9 000	C. 900 000	D. 90 000
--------	----------	------------	-----------

3/-Giá trị của biểu thức : $x + 5 + y + 5 + x + 5 + y + 5 = ?$ (với $x + y = 20$)

a) 600	b) 400	c) 60	d) 40
--------	--------	-------	-------

4/-Có bao nhiêu số x có ba chữ số thỏa mãn $x < 105$

A. 5	B. 4	C. 3	D. 2
------	------	------	------

5/-Biết $\frac{1}{2}$ của một bao gạo nặng 20 kg, Ba bao gạo như thế cân nặng bao nhiêu kg ?

A. 10 kg	B. 40 kg	C. 60 kg	D. 120 kg
----------	----------	----------	-----------

6/- Một hình vuông có chu vi 20 m, diện tích hình vuông đo bằng bao nhiêu m^2 ?

A. 15 m^2	B. 20 m^2	C. 25 m^2	D. 400 m^2
-------------	-------------	-------------	--------------

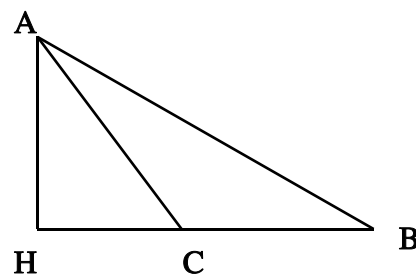
Bài 2: Đúng ghi Đ ; sai ghi S (1 đ)

a/- 5 tấn 15 kg = 5015 kg		c/- Một nửa thế kỉ và sáu năm = 560 năm	
b/- 4 phút 20 giây = 420 giây		d/- Năm nhuận có 366 ngày	

Bài 3 : Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng

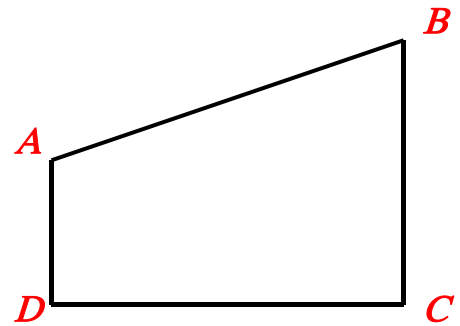
a) Tam giác ABC (hình bên) có đường cao là (0,5 đ)

A. đường cao AH	B. đường cao AC
C. đường cao BC	D. đường cao AB



b)Tứ giác ABCD (hình bên) nói ý đúng cho tên các góc (0,5 đ)

A. góc đỉnh A		1. góc vuông
B. góc đỉnh B		2. góc vuông
C. góc đỉnh C		3. góc tù
D. góc đỉnh D		4. góc nhọn



PHẦN II: TỰ LUẬN (5 điểm)

1- Đặt tính rồi tính : (2 đ)

A. $372549 + 459521$	B. $920460 - 510754$	C. 2713×205	D. $1980 : 15$

2- Tính giá trị của biểu thức bằng cách thuận tiện : (1 đ)

a/- $20 \times 190 \times 50 =$

b/- $769 \times 85 - 769 \times 75$

Câu 3- Khối lớp Bốn của một trường Tiểu học có 4 lớp Bốn, trong đó có 2 lớp mỗi lớp có 35 học sinh, 2 lớp còn lại mỗi lớp có 33 học sinh. Hỏi trung bình mỗi lớp có bao nhiêu học sinh?

(1đ)

Bài làm

Câu 4-Trung bình cộng của 5 số lẻ liên tiếp là 101. Tìm 5 số đó ? (1đ)

ĐÁP ÁN ĐỀ THI HỌC KÌ 1 MÔN TOÁN LỚP 4

PHẦN I: **TRẮC NGHIỆM** (5 điểm)

Bài 1: Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng : (3 đ)

1/- Số gồm 6 vạn, 5 nghìn và 4 chục được viết là :

A.50 640	B.65 040	C.5 640	D. 6 540
----------	-----------------	---------	----------

2/- Chữ số 9 trong số 1 986 850 có giá trị là :

A. 900	B. 9 000	C. 900 000	D. 90 000
--------	----------	-------------------	-----------

3/-Giá trị của biểu thức : $x + 5 + y + 5 + x + 5 + y + 5 = ?$ (với $x + y = 20$)

a) 600	b) 400	c) 60	d) 40
--------	--------	--------------	-------

4/-Có bao nhiêu số x có ba chữ số thỏa mãn $x < 105$

A. 5	B. 4	C. 3	D. 2
-------------	------	------	------

5/-Biết $\frac{1}{2}$ của một bao gạo nặng 20 kg, Ba bao gạo như thế cân nặng bao nhiêu kg ?

A. 10 kg	B. 40 kg	C. 60 kg	D. 120 kg
----------	----------	----------	------------------

6/- Một hình vuông có chu vi 20 m, diện tích hình vuông đo bằng bao nhiêu m^2 ?

A. 15 m^2	B. 20 m^2	C. 25 m^2	D. 400 m^2
-------------	-------------	-------------------------------	--------------

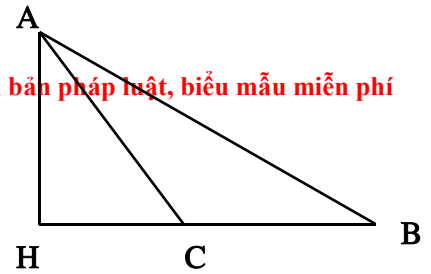
Bài 2 : Đúng ghi Đ ; sai ghi S (1 đ)

a/- 5 tấn 15 kg = 5015 kg.	Đ
b/- 4 phút 20 giây = 420 giây	S
c/- Một nửa thế kỉ và sáu năm = 560 năm	S
d/- Năm nhuận có 366 ngày	Đ

Bài 3 : Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng

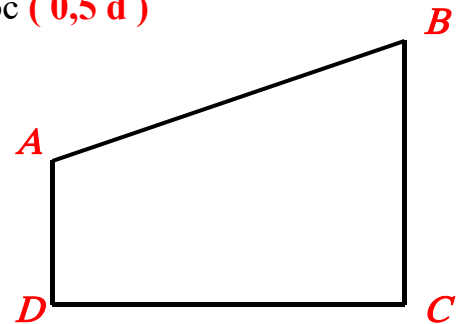
a) – Tam giác ABC (hình bên) có đường cao là (**0,5 đ**)

A. đường cao AH	B. đường cao AC
C. đường cao BC	D. đường cao AB



b) Tứ giác ABCD (hình bên) nối ý đúng cho tên các góc (0,5 đ)

A. góc đỉnh A	→	1. góc vuông
B. góc đỉnh B	→	2. góc vuông
C. góc đỉnh C	→	3. góc tù
D. góc đỉnh D	→	4. góc nhọn



PHẦN II: TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu 1- Đặt tính rồi tính : (2 đ)

A. $\begin{array}{r} 372549 \\ + 459521 \\ \hline 832070 \end{array}$	B. $\begin{array}{r} 920460 \\ - 510754 \\ \hline 409706 \end{array}$	C. $\begin{array}{r} 2713 \\ \times 205 \\ \hline 13565 \\ 5426 \\ \hline 556165 \end{array}$	D. $\begin{array}{r} 1980 \overline{) 15} \\ 048 \\ \hline 030 \\ 00 \\ \hline 132 \end{array}$
---	---	---	---

Câu 2- Tính giá trị của biểu thức bằng cách thuận tiện : (1 đ)

$$\begin{aligned} \text{a/- } & 20 \times 190 \times 50 \\ & = 20 \times 50 \times 190 \\ & = 1\,000 \times 190 \\ & = 190\,000 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b/- } & 769 \times 85 - 769 \times 75 \\ & = 769 \times (85 - 75) \\ & = 769 \times 10 \\ & = 7690 \end{aligned}$$

Câu 3- Khối lớp Bốn của một trường Tiểu học có 4 lớp Bốn, trong đó có 2 lớp mỗi lớp có 35 học sinh, 2 lớp còn lại mỗi lớp có 33 học sinh. Hỏi trung bình mỗi lớp có bao nhiêu học sinh ?

Bài làm (1đ)

Số HS 2 lớp đầu : $35 \times 2 = 70$ (học sinh)

Số HS 2 lớp sau : $33 \times 2 = 66$ (học sinh)

Trung bình mỗi lớp có số HS là : $(70 + 66) : 4 = 34$ (học sinh)

Đáp số : 34 (học sinh)

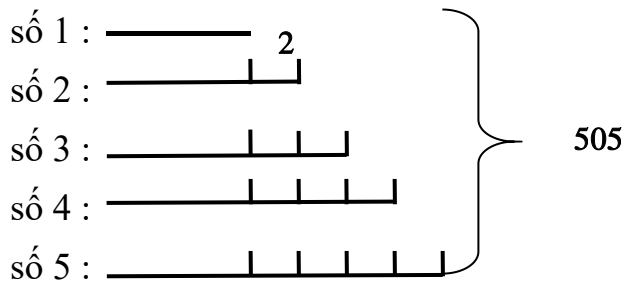
Câu 4- Trung bình cộng của 5 số lẻ liên tiếp là 101. Tìm 5 số đó ? (1đ)

Giải cách 1 : 5 số lẻ liên tiếp mỗi số cách đều nhau 2 đơn vị. Trung bình cộng là số ở giữa. Vậy 5 số đó là : 97 ; 99 ; 101 ; 103 ; 105

Giải cách 2

Tổng 5 số là : $101 \times 5 = 505$

5 số lẻ liên tiếp mỗi số cách đều nhau 2 đơn vị



5 lần số thứ I :

$$505 - (2+2+2+2+2+2+2+2+2) = 475$$

$$\text{Số 1 : } 475 : 5 = 97$$

$$\text{Số 2 : } 97 + 2 = 99$$

$$\text{Số 3 : } 99 + 2 = 101$$

$$\text{Số 4 : } 101 + 2 = 103$$

$$\text{Số 5 : } 103 + 2 = 105$$

Đáp số : 97 ; 99 ; 101 ; 103 ; 105

Trường Tiểu Học Họ và tên: Lớp: 4/ ...	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I Năm học: 2018 – 2019 Môn: Toán – <u>Lớp 4</u> Thời gian: 40 phút
---	---

Giám sát kiểm tra 1: Giám sát kiểm tra 2:

<u>Điểm</u> Bảng số:..... Bảng chữ:	<u>Giáo viên nhận xét</u> GV đánh giá 1: GV đánh giá 2:.....
--	--

I. Phần trắc nghiệm (4 điểm)

Em hãy khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng và hoàn thành bài tập dưới đây.

Câu 1: Số gồm 5 triệu, 7 chục nghìn, 6 trăm được viết là: (M1)

- A. 5 070 600 B. 5 007 600 C. 5 700 600 D. 5 706 000

Câu 2: Trong các số: 5 785; 6874; 6 784 ; 6 487, số lớn nhất là: (M1)

- A. 5785 B. 6 784 C. 6 874 D. 6 487

Câu 3 : Trung bình cộng của ba số: 36; 42 và 57 là: (M2)

- A. 35 B. 305 C. 145 D. 45

Câu 4: Số thích hợp điền vào ô trống để: 1 tấn = kg là: (M1)

- A. 10 B. 100 C. 1000 D. 10000

Câu 5: Số thích hợp để viết vào chỗ chấm để: $6m^2 9dm^2 = \dots dm^2$ là: (M2)

- A. 690 B. 609 C. 6009 D. 69

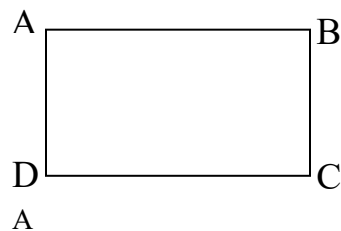
Câu 6: Số tự nhiên nào sau đây chia hết cho 2; cho 3 và cho 5: (M2)

- A. 12 B. 10 C. 15 D. 30

Câu 7: Cho hình vẽ ABCD là hình chữ nhật (M3)

a) Đoạn thẳng BC vuông góc với các đoạn thẳng và

b) Đoạn thẳng BC song song với đoạn thẳng



II. Phần tự luận (6 điểm)

Câu 8: Đặt tính rồi tính (M2)

a) $182\,954 + 245\,416$ b) $935\,807 - 52\,455$ c) 237×24 d) $16050 : 75$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 9: Tính bằng cách thuận tiện nhất: (M3)

$$876 \times 64 - 876 \times 54$$

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 10: Một mảnh vườn hình chữ nhật có nửa chu vi 90 m, chiều dài hơn chiều rộng 22 m. Tính diện tích mảnh vườn hình chữ nhật đó? (M3)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 11: Tìm số lớn nhất có 4 chữ số khác nhau. Biết chữ số hàng trăm là chữ số 5, mà số đó vừa chia hết cho 2 và vừa chia hết cho 5? (M4)

.....

.....

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

A. TRẮC NGHIỆM

Câu 1 đến câu 6

		2	3	4	5	6
Đáp án	A	C	D	C	B	D
Điểm	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5

a) 428 370

b) 883 352

c) 5 688

d) 214

Câu 9: (1 điểm)

$$876 \times 64 - 876 \times 54$$

$$= 876 \times (64 - 54)$$

$$= 876 \times 10$$

$$= 8760$$

Câu 10: (2 điểm)

Bài giải

Chiều dài của mảnh vườn là: (0,25 đ)

$$(90 + 22) : 2 = 56 \text{ (m)} \quad (0,25 \text{ đ})$$

Chiều rộng mảnh vườn là: (0,25 đ)

$$56 - 22 = 34 \text{ (m)} \quad (0,25 \text{ đ})$$

Diện tích của mảnh vườn hình chữ nhật là: (0,25 đ)

$$56 \times 34 = 1904 \text{ (m}^2\text{)} \quad (0,5 \text{ đ})$$

Đáp số: 1904 m²

(0.25 đ)

Câu 11: Số cần tìm: 9580

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

Mạch kiến thức, kĩ năng	Số câu và số điểm	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 4		Tổng	
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
Số học	Số câu	3		1	1		1		1	4	3
	Câu số	1,2		3,6	8		9		11	1,2,3,6	8,9,11
	Số điểm	1		1	2		1		1	2	4
Đại lượng và đo đại lượng.	Số câu	1		1						2	
	Câu số	4		5						4,5	
	Số điểm	0,5		0,5						1	
Yếu tố hình học	Số câu					1				1	
	Câu số					7				7	
	Số điểm					1				1	
Giải toán có lời văn	Số câu						1				1
	Câu số						10				10
	Số điểm						2				2
Tổng	Số câu	4		2	1	1	2		1	7	4
	Số điểm	1,5		1,5	2	1	3		1	4	6